TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16/11/2017.
"V/v Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2017, về việc tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST- HN, ngày 02 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có lý do.

Các con ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Q tên:

- Nguyễn Nhựt B, sinh ngày 11/01/2007, có mặt.

- Nguyễn Thị Yên T, sinh ngày 28/11/2009, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phan Thị Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn M vào ngày 24/12/2007, chị và anh T cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân chị và anh T có quen nhau 03 tháng, rồi chung sống với nhau, không tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến cuối năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh T không quan tâm đến gia đình mà tham gia các tệ nạn xã hội và sử dụng ma túy, chị có khuyên nhưng anh không sữa đổi dẫn đến cãi vã gây gổ với nhau rất nhiều lần, sống không có hạnh phúc, chị cùng 02 con đi về nhà mẹ ruột sống từ cuối năm 2009 và ly thân sống đến nay, khoảng 02 năm anh mới qua thăm con 01 lần, tình cảm vợ chồng không còn nên không hàn gắn được. Nay chị xin được ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con:* Chị Q xin được quyền nuôi dưỡng 02 con tên Nguyễn Nhựt B, sinh ngày 11/01/2007 và Nguyễn Thị Yên T, sinh ngày 28/11/2009.

- *Về cấp dưỡng nuôi 02 con:* Chị Q không khởi kiện, không tranh chấp.

- *Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị Q không có tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Tại các bản khai, tại phiên tòa giải cháu Nguyễn Nhựt B, sinh ngày 11/01/2007 ý kiến: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của cháu được sống với mẹ.

Tại các bản khai, tại phiên tòa cháu Nguyễn Thị Yên T, sinh ngày 28/11/2009 ý kiến: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của cháu được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ các điều 228, 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và Kiểm sát viên theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Q khởi kiện anh T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, về con chị xin được quyền nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Q và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn M vào ngày 24/12/2007, chị và anh T cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 12 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Q cho rằng anh T không quan tâm đến gia đình, tham gia các tệ nạn xã hội và sử dụng ma túy, chị khuyên nhưng anh không sữa đổi dẫn đến cãi vã gây gổ với nhau rất nhiều lần, vợ chồng sống không có hạnh phúc, chị bỏ về nhà mẹ ruột ở từ cuối năm 2009 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai đề ngày 25/10/2017 anh T khai nhận vợ chồng sống với nhau phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, không chung sống được và ly thân từ gần 08 năm nay.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

Quá trình chung sống giữa chị Q và anh T tuy chưa thống nhất với nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, về lối sống và ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Đằng này khi mâu thuẫn xảy ra anh chị bỏ mặt, không quan tâm đến tình chồng nghĩa vợ, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nức, chị Q và anh T không còn chung sống từ năm 2009 đến nay là khoản thời gian rất dài hơn 08 năm.

Tòa án thông báo mở phiên họp 02 lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt, từ đó phiên hòa giải đoàn tụ không thành không tiến hành được, mặt khác tại bản lấy lời khai anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Q, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên toà chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q xin ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q và anh T được ly hôn với nhau.

[4]. Về con chung: Xét thấy chị Q và anh T chung sống sinh 02 người con tên Nguyễn Nhựt B, sinh ngày 11/01/2007 và Nguyễn Thị Yên T, sinh ngày 28/11/2009, trong thời gian ly thân nhau, các con sống với chị Q và được chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt, tại phiên tòa chị Q xin được quyền nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của các con đồng thời phù hợp với ý kiến của anh T đồng ý giao 02 con cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Để cháu B và cháu T có cuộc sống và chổ ở ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu B và cháu T

cho chị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, do chị Q không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6]. Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Q không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Q có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 147, 228, 232, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn T được ly hôn với nhau.

2. Về nuôi con:

Chị Phan Thị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tên Nguyễn Nhựt B, sinh ngày 11/01/2007 và Nguyễn Thị Yên T, sinh ngày 28/11/2009.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Phan Thị Q nộp 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0010767, ngày 28/9/2017 do chị Q nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang đã tạm thu. Chị Phan Thị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Q có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M;
- Lưu HSVA.